

PHỤ LỤC 1

CHI TIẾT DANH MỤC MÁY MÓC THIẾT BỊ ĐẤU GIÁ ĐỢT 2 NĂM 2025

1. Bộ thiết bị máy móc khác: máy đo, máy hàn, máy nổ, bàn ghế thiết bị văn phòng, trụ anten.

TT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Máy đo JDSU HST-3000 (ADSL2+, VoID, IPTV)	cái	1	
2	Máy đo OTDR anritsu MT9083C2	cái	1	
3	Máy đo OTDR cấu hình trung bình FX300 OTDR	cái	1	
4	Máy đo quang OTDR JDSU MTS-4000	cái	1	
5	Máy hàn quang FSM-60s	cái	1	
6	Máy hàn quang FSM-60s	cái	1	
7	Máy hàn cáp quang cấu hình FTTH	cái	1	
8	Máy hàn cáp quang cấu hình FTTH	cái	1	
9	Máy hàn quang FTTx (KF4) Ilsintech	cái	1	
10	Máy hàn quang SWIFT S3	cái	1	
11	Máy hàn quang FTTx (KF4) Ilsintech	cái	1	
12	Máy hàn sợi quang Fujikura 12 S	cái	1	
13	Máy hàn quang cho FTTx (Inno Instrument)	cái	1	
14	Máy hàn cáp quang cấu hình FTTH	cái	1	
15	Máy hàn cáp quang IFS-15H	cái	1	
16	Máy hàn cáp quang cấu hình FTTH	cái	1	
17	Máy hàn quang SWIFT S3	cái	1	
18	Máy hàn cáp quang (FURUKAWA) (FITEL -S178A)	cái	1	
19	Máy hàn Inno Fusion	cái	1	
20	Máy hàn Swift K9	cái	1	
21	Máy hàn Fujikura	cái	1	
22	Máy hàn Fujikura	cái	1	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
23	Máy hàn FSM-60S	cái	1	
24	Máy nổ Hatz 17 kva	cái	1	
25	Máy nổ Deutz 62 kva	cái	1	
26	Máy phát điện Hữu Toàn HG7500	cái	1	
27	Máy phát điện SBMPOWER- 22KVA	cái	1	
28	Máy phát điện lưu động HONDA (Hữu Toàn)	cái	1	
29	Máy phát điện lưu động HONDA (Hữu Toàn)	cái	1	
30	Máy phát điện lưu động HONDA (Hữu Toàn)	cái	1	
31	Máy phát điện Hữu Toàn HG7500	cái	1	
32	Máy phát điện SBMPOWER- 22KVA	cái	10	
33	Ups 3 KVA Online	cái	4	
34	ổ cứng 146 Gb	cái	5	
35	IBM x3650 M2 Server + Windows Server 2008 Standard Edition	cái	1	
36	SHDSL Router 1 port GSHDSL	cái	2	
37	Ghế nhân viên chân quỳ	cái	3	
38	Ghế trưởng phòng	cái	1	
39	Vách ngăn	cái	2	
40	Cột Anten tự đứng 40 mét TVT Tân Hiệp (Phú Chánh 4)	cột	1	Đơn vị trúng giá tự tháo dỡ, thu hồi
Tổng cộng			60	

2. Lô Accu

STT	Chi tiết tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Khối lượng đơn vị (kg/bình)	Khối lượng tổng
1	Accu 2V-300Ah-Gel (tổ 24 bình)	bình	43	18	774

STT	Chi tiết tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Khối lượng đơn vị (kg/bình)	Khối lượng tổng
2	Accu Posmax 300Ah 2V	bình	168	17	2856
3	Accu Vision 300Ah-2V Gel	bình	16	20	320
4	Accu Shonenchen 200Ah 2V	bình	24	15	360
5	Accu 300Ah - 2V (1 tổ 24 bình)	bình	48	18	864
6	Accu Vision 300Ah 2V	bình	24	20	480
7	Accu Shonenchen 800Ah 2V	bình	24	50	1200
8	Accu Posmax 300Ah 2V	bình	43	17	731
9	Accu Vision 300Ah-2V Gel	bình	24	20	480
10	Accu Narada 500Ah 2V	bình	24	29	696
11	Accu Shonenchen 200Ah 2V	bình	24	15	360
12	ACCUS POSMAX 400Ah_2V	bình	5	20	100
13	Accu NARADA 2V 500Ah	bình	48	29	1392
14	Accu Sonnenschein 2V 200Ah	bình	192	28	5376
15	Accu Posmax 2V 300Ah	bình	244	17	4148
16	Accu Posmax 2V 400Ah	bình	72	20	1440
17	Accu Vision 12V 150Ah	bình	8	42	336
18	Accu Sonnenschein 2V 300Ah	bình	24	26	624
19	Accu Accu Varta 2V 490Ah	bình	24	21	504
20	Accu Posmax 12V 150Ah	bình	20	43	860
21	Accu Sonnenschein 2V 224Ah	bình	192	28	5376
22	Accu Vision 2V 300Ah	bình	72	20	1440
23	Accu Vision 12V 200Ah	bình	4	52	208
24	Accu Sonnenschein 2V 420Ah	bình	48	27	1296
25	Accu A602/200 200Ah 2V	bình	48	18	864
26	Accu NARADA 260Ah 2V	bình	48	13	624

02
NG 1
Ả HỢP
TRUNG
ĐA-T

STT	Chi tiết tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Khối lượng đơn vị (kg/bình)	Khối lượng tổng
27	Accu DRYFIT 200Ah 2V	bình	48	14	672
28	Accu FIAMM 405Ah 2V	bình	24	28	672
29	Accu POSMAX 300Ah 2V	bình	59	17	1003
30	Accu VISION 300Ah 2V	bình	80	20	1600
31	Accu NARADA 500Ah 2V	bình	48	29	1392
32	Accu POSMAX 500Ah 2V	bình	10	27	270
33	Accu CGT12-150VN 150Ah 12V	bình	3	45	135
34	Accu SHOTO 300Ah 2V	bình	8	17	136
35	Accu NARADA 105Ah 12V	bình	4	35	140
36	Accu POSMAX 150Ah 12V	bình	28	43	1204
37	Accu Sonnenschein, 200Ah – 2V	bình	24	28	672
38	Accu Posmax, 300Ah- 2V	bình	24	17	408
39	Accu Posmax, 125Ah-12V	bình	4	33	132
40	Accu SAITE 300Ah 2V	bình	24	20	480
41	Accu SONNENSCHNEIN 250Ah 2V	bình	24	30	720
42	Accu POSMAX 300Ah 2V	bình	24	17	408
43	Accu VISION 150Ah 12V	bình	16	42	672
44	Accu SONNENSCHNEIN 490Ah 2V	bình	48	30	1440
45	Accu SONNENSCHNEIN 600Ah 2V	bình	48	40	1920
46	Accu FIAMM 405Ah 2V	bình	48	28	1344
47	Accu POSMAX 300Ah 2V	bình	336	17	5712
48	Accu VISION 300Ah 2V	bình	24	20	480
49	Accu SHOTO 300Ah 2V	bình	24	17	408
50	Accu SONNENSCHNEIN 200Ah 2V	bình	24	28	672
51	Accu POSMAX 150Ah 12V	bình	4	43	172

STT	Chi tiết tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Khối lượng đơn vị (kg/bình)	Khối lượng tổng
52	Accu VISION 150Ah 12V	bình	4	42	168
53	Accu Vision 300Ah 2V	bình	120	20	2400
54	Accu Posmax 300Ah 2V	bình	48	17	816
55	Accu Posmax 400Ah 2V	bình	24	20	480
56	Accu Sonnenschen 200Ah 2V	bình	72	28	2016
57	Accu Shoto 125Ah 12V	bình	8	48	384
58	Accu Posmax 300AH 2V	bình	264	17	4488
59	Accu Vision 300AH 2V	bình	120	20	2400
60	Accu Vision 150AH 12V	bình	4	42	168
61	Accu VISION, 300Ah	bình	96	20	1920
62	Accu Dryfix, 265Ah	bình	72	17	1224
63	Accu VISION, 125Ah	bình	4	35	140
64	Accu Posmax 2V300Ah	bình	240	17	4080
65	Accu Vision 2V300Ah	bình	24	20	480
66	Accu Narada 2V500Ah	bình	24	29	696
67	Accu Posmax 2V400Ah	bình	24	20	480
68	Accu Saite 2V300Ah	bình	24	20	480
69	Accu Yuasa 2V300Ah	bình	24	21	504
70	Accu Posmax 12V150Ah	bình	8	43	344
71	Accu Vision 12V150Ah	bình	12	42	504
72	Accu 300Ah - 2V (1 tổ 24 bình)	bình	24	18	432
73	Accu 300Ah - 12V (1 tổ 4 bình)	bình	4	20	80
74	Accu Vision 12V-150Ah (gồm phụ kiện)	bình	8	42	336
75	Accu Posmax 300Ah 2V	bình	96	17	1632
76	Accu Vision 300Ah-2V Gel	bình	128	20	2560

STT	Chi tiết tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Khối lượng đơn vị (kg/bình)	Khối lượng tổng
77	Accu Posmax 500AH-2V-GEL	bình	24	27	648
78	Accu Vision 300Ah 2V	bình	96	20	1920
79	Accu Posmax 300Ah 2V	bình	96	17	1632
80	Accu Vision 150Ah 12V	bình	4	42	168
81	Accu Sonnenschein (A602/1000) Ah 2V 1048	bình	24	50	1200
82	Accu Vision 300Ah-2V Gel	bình	48	20	960
83	Accu 300Ah - 2V (1 tổ 24 bình)	bình	96	18	1728
84	Accu Posmax 300Ah 2V	bình	336	17	5712
85	Accu 2V-300Ah-Gel (tổ 24 bình)	bình	48	18	864
86	Accu Vision 12V-150Ah (gồm phụ kiện)	bình	4	42	168
87	Accu Posmax 300AH-2V-GEL (24 bình/tổ)	bình	48	17	816
88	Accu 150Ah - 12V (1 tổ 4 bình)	bình	4	26	104
	Tổng cộng		4.823		101.705